

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Số: 58 /2011/NQ-HĐND8

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thủ Dầu Một, ngày 09 tháng 12 năm 2011

NGHỊ QUYẾT

**Về chính sách thu hút, chế độ hỗ trợ đào tạo
và phát triển nguồn nhân lực tỉnh Bình Dương**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
KHÓA VIII - KỲ HỌP THỨ 3**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 18/2010/NĐ-CP ngày 05 tháng 03 năm 2010 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng công chức;

Căn cứ Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức;

Căn cứ Thông tư số 03/2011/TT-BNV ngày 25 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 18/2010/NĐ-CP ngày 05 tháng 03 năm 2010 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng công chức;

Sau khi xem xét Tờ trình số 3488/TTr-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về chính sách thu hút, chế độ hỗ trợ đào tạo và phát triển nguồn nhân lực tỉnh Bình Dương; Báo cáo thẩm tra số 18/BC-HĐND ngày 25 tháng 11 năm 2011 của Ban Pháp chế và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn chính sách thu hút, chế độ hỗ trợ đào tạo và phát triển nguồn nhân lực tỉnh Bình Dương (*phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Bãi bỏ các nghị quyết sau:

1. Nghị quyết số 37/2009/NQ-HĐND7 ngày 16 tháng 12 năm 2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách thu hút, chế độ hỗ trợ đào tạo và phát triển nguồn nhân lực tỉnh Bình Dương.

2. Nghị quyết số 12/2010/NQ-HĐND7 ngày 16 tháng 7 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 37/2009/NQ-HĐND7 ngày 16 tháng 12 năm 2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương về chính sách thu hút, chế độ hỗ trợ đào tạo và phát triển nguồn nhân lực tỉnh Bình Dương.

Điều 4. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương khóa VIII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2011 và có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày thông qua. /.

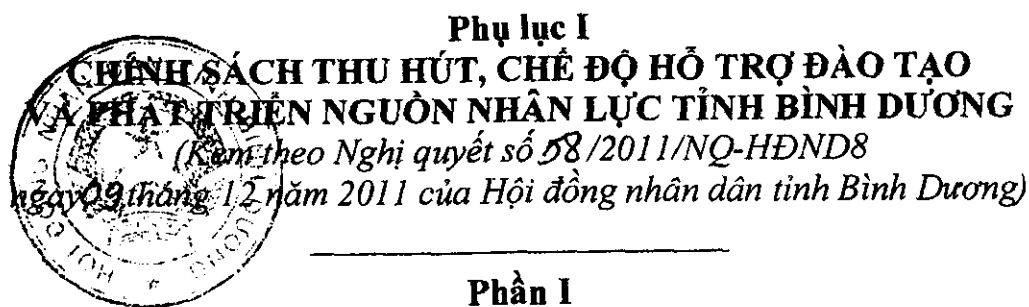
Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Nội vụ, Tài chính, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- LĐVP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH-HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND và UBND các huyện, thị xã;
- Trung tâm Công báo tỉnh, Website Bình Dương;
- Chuyên viên VP: Đoàn ĐBQH-HĐND, UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Vũ Minh Sang



Phần I

QUI ĐỊNH VỀ HỖ TRỢ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG

I. ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG TRONG NƯỚC

1. Đối tượng áp dụng

a) Cán bộ, công chức, viên chức các Ban Đảng, Đoàn thể, các cơ quan hành chính, sự nghiệp; cán bộ chuyên trách, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn thuộc diện qui hoạch cán bộ và kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của các ngành, các cấp.

b) Cán bộ lãnh đạo các cấp của tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tham gia các lớp bồi dưỡng kiến thức quản lý hành chính Nhà nước, lý luận chính trị, kiến thức quốc phòng; cán bộ ấp, khu phố được cử đi bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ theo chức danh.

c) Các doanh nghiệp Nhà nước, đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo toàn bộ chi phí hoạt động được phép vận dụng chính sách qui định tại văn bản này trong công tác đào tạo, bồi dưỡng viên chức và người lao động ở đơn vị. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng do đơn vị chi trả.

2. Các mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ đi học

- Tại Hà Nội:

+ Học tập trung từ 01 tháng trở lên: 4.500.000 đồng/tháng/người.

+ Học không tập trung hoặc tập trung dưới 01 tháng: 150.000 đồng/ngày/người.

- Các tỉnh thành khác:

+ Học tập trung từ 01 tháng trở lên: 3.000.000 đồng/tháng/người.

+ Học không tập trung hoặc tập trung dưới 01 tháng: 100.000 đồng/ngày/người.

- Trong tỉnh:

+ Học tập trung từ 01 tháng trở lên: 1.500.000 đồng/tháng/người.

+ Học không tập trung hoặc tập trung dưới 01 tháng: 50.000 đồng/ngày/người.

- Cán bộ, công chức, viên chức được cấp có thẩm quyền cử tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng được hưởng các chế độ hỗ trợ như trên thì không hưởng thêm

chế độ hỗ trợ chi tiền ăn theo qui định của Trung ương.

- Cán bộ, công chức, viên chức được cử tham dự các lớp tập huấn, đào tạo theo công văn triệu tập của Trung ương, ngành thì hưởng chế độ công tác phí theo qui định hiện hành.

b) Các chi phí khác

- Học phí:

- + Học phí, giáo trình, y tế phí được thanh toán theo phiếu thu của nhà trường;

- + Đối với các lớp đào tạo dài hạn mà cơ quan công tác cách xa trường từ 20 km trở lên phải ở nội trú thì được thanh toán theo phiếu thu của nhà trường; trường hợp không có phiếu thu thì được hỗ trợ tiền trọ 30.000 đồng/ngày/người. Đối với các lớp ngắn hạn dưới 01 tháng được thanh toán theo mức lưu trú dành cho cán bộ, công chức, viên chức đi công tác.

- Tiền tàu xe:

- + Học ở các tỉnh phía Bắc (từ Đà Nẵng trở ra): Được thanh toán 01 lần bắt đầu nhập học và 01 lần kết thúc khoá học và mỗi năm được thanh toán tiền đi về vào dịp hè và Tết nguyên đán 02 lần (04 lượt/năm). Trong đó:

Cán bộ, công chức có chức vụ từ Thường vụ huyện, thị ủy trở lên; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã; Giám đốc, Phó Giám đốc Sở và tương đương trở lên; cán bộ, công chức là chuyên viên chính và các chức danh khác có mức lương từ hệ số từ 5,42 trở lên được thanh toán tiền vé máy bay.

Cán bộ, công chức, viên chức còn lại được thanh toán tiền vé tàu hỏa thông thường (vé nằm).

- + Học ở các tỉnh còn lại mỗi tháng được thanh toán tiền vé xe công cộng 01 lần (02 lượt).

- + Học trong tỉnh được thanh toán tiền vé xe công cộng mỗi tuần 01 lần (02 lượt) cho các trường hợp có cự ly từ cơ quan làm việc đến trường từ 20 km trở lên.

- Ngoài mức hỗ trợ nêu trên, nếu là nữ, dân tộc ít người khi đi học các lớp có thời gian từ 01 tháng trở lên thì mỗi tháng học được cấp thêm 200.000 đồng/tháng/người.

3. Hỗ trợ thực hiện và bảo vệ luận văn tốt nghiệp

Cán bộ, công chức, viên chức được cấp có thẩm quyền cử đi đào tạo sau đại học được hỗ trợ thực hiện và bảo vệ luận văn tốt nghiệp với các mức như sau:

a) Các ngành y tế, xây dựng, kiến trúc, công nghệ thông tin

- Tiến sĩ: 60.000.000 đồng.

- Thạc sĩ: 50.000.000 đồng

- Chuyên khoa cấp II: 55.000.000 đồng.
- Chuyên khoa cấp I: 40.000.000 đồng.
- Có bằng chuyên khoa cấp I học Thạc sĩ: 28.000.000 đồng.
- Có bằng chuyên khoa cấp II học Tiến sĩ: 30.000.000 đồng.

b) Các ngành còn lại

- Tiến sĩ: 50.000.000 đồng.
- Thạc sĩ: 40.000.000 đồng.

4. Chế độ khuyến khích tự đào tạo

a) Cán bộ, công chức, viên chức được hưởng chế độ khuyến khích tự đào tạo khi có đủ các điều kiện sau

- Tự túc kinh phí đi học để nâng cao trình độ, đáp ứng nhu cầu công việc chuyên môn đang đảm trách.

- Khi học xong cam kết tiếp tục làm việc tại đơn vị cũ hoặc chấp hành theo sự phân công của tổ chức.

- Phải còn thời gian phục vụ và cam kết phục vụ tối thiểu là 02 năm đối với đại học, chuyên khoa cấp I, chuyên khoa cấp II và 03 năm đối với thạc sĩ, tiến sĩ kể từ ngày tốt nghiệp khóa đào tạo.

- Khi đi học phải có văn bản thỏa thuận với Sở Nội vụ hoặc Ban Tổ chức Tỉnh ủy và có quyết định cử đi học của thủ trưởng cơ quan.

b) Các mức hỗ trợ khuyến khích tự đào tạo gồm

- Tiến sĩ: 30.000.000 đồng.
- Thạc sĩ: 25.000.000 đồng.
- Chuyên khoa cấp II: 27.000.000 đồng.
- Chuyên khoa cấp I: 20.000.000 đồng.
- Đại học: 10.000.000 đồng.

II. ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG Ở NƯỚC NGOÀI

1. Điều kiện và tiêu chuẩn cử đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài

Điều kiện và tiêu chuẩn xét tuyển chọn cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài được thực hiện theo Quy định tuyển chọn của tỉnh.

2. Các khoản chi phí đào tạo ở nước ngoài

Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo toàn phần ở nước ngoài được tính chi các khoản như sau:

a) Học phí và các khoản chi liên quan đến học phí (theo thông báo của các cơ

sở đào tạo nước ngoài).

b) Sinh hoạt phí bao gồm: Tiền ăn, ở, chi phí đi lại hàng ngày, tiền tài liệu và đồ dùng học tập.

c) Bảo hiểm y tế (mức bảo hiểm y tế tối thiểu áp dụng chung cho lưu học sinh nước ngoài của nước sở tại).

d) Tiền vé máy bay hạng thường 01 lượt từ Việt Nam đến nơi học tập và 01 lượt từ nơi học tập về Việt Nam cho cả khóa học.

đ) Chi phí đi đường được cấp 01 lần cho suốt quá trình học tập.

e) Chi phí làm thủ tục xuất nhập cảnh (hộ chiếu, visa).

g) Lệ phí ghi danh.

h) Phí chuyển và nhận tiền qua ngân hàng (nếu có) theo qui định hiện hành.

i) Chi khen thưởng

- Trường hợp hoàn thành chương trình học tập với kết quả xuất sắc trước thời gian qui định ghi trong quyết định cử đi học của cơ quan có thẩm quyền và có xác nhận của cơ sở đào tạo nước ngoài sẽ được hưởng 50% số tiền sinh hoạt phí của thời gian hoàn thành trước hạn.

- Trường hợp đạt kết quả học tập xuất sắc được cơ sở đào tạo ở nước ngoài miễn hoặc giảm học phí, có giấy báo của cơ sở đào tạo nước ngoài sẽ được hưởng 50% số tiền được miễn hoặc giảm và được cấp một lần vào năm được miễn, giảm học phí.

k) Chi hỗ trợ rủi ro, bất khả kháng xảy ra đối với cán bộ, công chức, viên chức trong thời gian học ở nước ngoài (xem xét đối với từng trường hợp cụ thể).

Các khoản chi nêu trên được thực hiện theo các qui định hiện hành của Trung ương về chế độ, cấp phát và quản lý kinh phí đào tạo lưu học sinh Việt Nam ở nước ngoài bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

3. Các khoản chi phí đào tạo trong nước

Cán bộ, công chức, viên chức được tính cử đi đào tạo có thời gian học trong nước và thời gian học, thực tập ở nước ngoài thì thời gian học ở trong nước được tính chỉ các khoản như sau:

a) Học phí và các khoản chi liên quan đến học phí.

b) Sinh hoạt phí tùy theo trình độ đào tạo cho thời gian đào tạo tại Việt Nam theo mức hỗ trợ học tập như đối với lưu học sinh theo chương trình đào tạo phối hợp hoặc chi hỗ trợ đối với trường hợp đào tạo ngoại ngữ trong nước.

c) Chi phí các kỳ thi đánh giá kết quả học tập theo yêu cầu của cơ quan chức năng (nếu có).

4. Các khoản chi phí đối với các lớp đào tạo liên kết với nước ngoài

Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo các khóa học liên kết với nước ngoài có thời gian học toàn phần tại Việt Nam được tính chi các khoản như sau:

- a) Học phí và các khoản liên quan đến học phí.
- b) Hỗ trợ đi học theo các mức qui định tại Khoản 2, Mục I, Phần I.
- c) Hỗ trợ thực hiện và bảo vệ luận văn tốt nghiệp bằng 50% mức tương ứng qui định tại Khoản 3, Mục I, Phần I.

5. Chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi bồi dưỡng ở nước ngoài

Thực hiện theo qui định tài chính hiện hành.

6. Chế độ hỗ trợ diện được học bổng

a) Cán bộ, công chức, viên chức được học bổng toàn phần do Chính phủ các nước, các tổ chức quốc tế và các học bổng khác được Chính phủ Việt Nam cho phép để tài trợ chi phí cho toàn bộ khóa học ở nước ngoài, không sử dụng ngân sách Nhà nước thì được hỗ trợ thêm hàng tháng bằng 50% mức sinh hoạt phí toàn phần tùy thuộc vào nước đến học tập theo qui định hiện hành của Trung ương về chế độ, cấp phát và quản lý kinh phí đào tạo lưu học sinh Việt Nam ở nước ngoài bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Ngoài mức hỗ trợ nêu trên, nếu là nữ khi đi học được cấp thêm 50 USD/tháng/người.

b) Cán bộ, công chức, viên chức được hưởng chế độ hỗ trợ của tỉnh phải cam kết tiếp tục làm việc tại đơn vị cũ hoặc chấp hành sự phân công của cơ quan có thẩm quyền công tác tại các cơ quan hành chính, sự nghiệp của tỉnh ít nhất là 05 năm. Trường hợp không công tác đủ thời gian qui định thì phải hoàn trả số tiền hỗ trợ đã nhận tương ứng với tỉ lệ thời gian cam kết phục vụ trừ đi thời gian đã công tác.

c) Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức được học bổng đi đào tạo ở nước ngoài nếu sinh hoạt phí thấp hơn mức sinh hoạt phí Nhà nước qui định thì được cấp bù phần chênh lệch.

III. BỒI THƯỜNG CHI PHÍ ĐÀO TẠO

1. Bồi thường chi phí đào tạo

a) Bồi thường chi phí đào tạo ở trong nước

Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo ở trong nước phải bồi thường chi phí đào tạo trong các trường hợp sau:

- Nếu tự ý bỏ dở không học hết chương trình; bị kỷ luật buộc thôi học hoặc không chấp hành sự phân công của tỉnh sau khi tốt nghiệp; tự ý bỏ việc; đơn

phương chấm dứt hợp đồng lao động; tự ý không tham gia khóa học khi đã làm đầy đủ các thủ tục nhập học và đã được cơ quan cấp kinh phí đào tạo, bồi dưỡng; các trường hợp khác do lỗi chủ quan của người được cử đi đào tạo thì phải bồi thường toàn bộ chi phí đào tạo và các khoản hỗ trợ đã nhận.

- Cán bộ, công chức, viên chức tham gia khóa học đầy đủ thời gian theo qui định (có xác nhận của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng) nhưng không được cấp văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận đã hoàn thành khóa học do nguyên nhân chủ quan thì phải bồi thường 50% chi phí đào tạo và các khoản hỗ trợ đã nhận.

- Hoàn thành khóa học về công tác nhưng thực hiện không đủ thời gian yêu cầu phục vụ sau khi được đào tạo thì phải bồi thường chi phí đào tạo và các khoản hỗ trợ đã nhận trong thời gian đi học theo tỉ lệ thời gian cam kết phục vụ trừ đi thời gian đã về công tác sau đào tạo.

- Trong thời gian được cử đi đào tạo, cán bộ, công chức, viên chức học tập không đạt yêu cầu và phải học lại, thi lại thì không được hưởng chế độ theo qui định trong thời gian học lại, thi lại và kinh phí học lại, thi lại do cá nhân tự chi trả. Trường hợp không tốt nghiệp khóa học đúng thời gian qui định, cán bộ, công chức, viên chức phải thi lại tốt nghiệp ở lần liền kề nhưng tối đa không quá 01 năm so với chương trình học theo giấy báo nhập học. Sau lần thi này nếu không đạt yêu cầu thì phải bồi thường 50% chi phí đào tạo và các khoản hỗ trợ đã nhận.

b) Bồi thường chi phí đào tạo ở nước ngoài

- Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo ở nước ngoài do tính chi toàn phần hoặc một phần kinh phí, sau khi tốt nghiệp mà không về nước, về nước không đúng thời hạn mà không có lý do chính đáng; không hoàn thành khóa học theo chương trình đào tạo qui định, bị kỷ luật buộc thôi việc và các trường hợp khác do lỗi chủ quan của người được cử đi đào tạo thì phải bồi thường toàn bộ chi phí đào tạo và các khoản hỗ trợ đã nhận.

- Trường hợp hoàn thành khóa học về công tác nhưng thực hiện không đủ thời gian yêu cầu phục vụ sau khi được đào tạo; trong thời gian được cử đi đào tạo, cán bộ, công chức, viên chức học tập không đạt yêu cầu và phải học lại, thi lại thì việc bồi thường áp dụng như đối với trường hợp bồi thường chi phí đào tạo ở trong nước.

2. Nguyên tắc bồi thường

- a) Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch, bồi dưỡng ở nước ngoài, các khóa học có thời gian từ 03 tháng tập trung trở lên và đào tạo từ trung cấp trở lên từ kinh phí Nhà nước toàn phần hay một phần hoặc nhận hỗ trợ khuyến khích tự đào tạo thì tùy từng trường hợp cụ thể phải bồi thường theo qui định tại Khoản 1, Mục III, Phần I.

- b) Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo từ trình độ trung cấp trở lên được tính giảm chi phí bồi thường trong các trường hợp sau

- Mỗi năm công tác của cán bộ, công chức, viên chức (không tính thời gian tập sự và thời gian công tác sau khi được đào tạo, bồi dưỡng) được giảm 1% chi phí đền bù.

- Cán bộ, công chức, viên chức đạt danh hiệu từ Chiến sĩ thi đua cơ sở trở lên trong vòng 05 năm trở lại thì được tính giảm 1% chi phí đền bù cho mỗi danh hiệu.

3. Cách tính chi phí bồi thường

a) Chi phí bồi thường được tính theo tỉ lệ thời gian phục vụ sau khi hoàn thành khóa đào tạo (qui định bằng 03 lần của khóa đào tạo) trừ đi thời gian đã công tác sau khi hoàn thành khóa đào tạo.

b) Đối với các chương trình đào tạo ở nước ngoài theo đề án của tỉnh, cán bộ, công chức, viên chức phải cam kết công tác lâu dài trong các cơ quan Đảng, Đoàn thể, hành chính, sự nghiệp của tỉnh.

c) Đối với trường hợp nhận hỗ trợ khuyến khích tự đào tạo mà không công tác đủ thời gian qui định tại Điểm a, Khoản 4, Mục I, Phần I thì phải hoàn trả số tiền đã nhận tương ứng với tỉ lệ thời gian cam kết phục vụ trừ đi thời gian đã công tác.

Phần II

CHÍNH SÁCH THU HÚT NGUỒN NHÂN LỰC

I. CHẾ ĐỘ THU HÚT CHUNG

1. Đối với người được tuyển dụng mới

a) Người có bằng tốt nghiệp đại học chính qui, sau đại học trong nước; đại học và sau đại học ở nước ngoài khi tuyển dụng mới vào một ngạch công chức, viên chức được hỗ trợ thêm cho đủ 100% lương bậc khởi điểm trong thời gian tập sự và được trợ cấp thêm một lần 2.000.000 đồng nếu tốt nghiệp đại học đạt loại giỏi, loại xuất sắc (không phân biệt hình thức đào tạo, kể cả trong và ngoài nước).

b) Người có trình độ sau đại học (không kể trong hay ngoài tỉnh) được tuyển dụng, hợp đồng dài hạn trong chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao vào một ngạch công chức, viên chức ở các cơ quan Đảng, Đoàn thể, hành chính và các đơn vị thuộc lĩnh vực sự nghiệp giáo dục & đào tạo, trường Chính trị, văn hóa thông tin - thể dục thể thao và sự nghiệp khác (trừ sự nghiệp y tế và Trường Đại học Thủ Dầu Một) trên địa bàn tỉnh Bình Dương và có cam kết công tác tại tỉnh ít nhất 05 năm thì được hưởng các chế độ thu hút:

- Nếu có bằng Chuyên khoa cấp I (không phân biệt hình thức đào tạo, kể cả trong và ngoài nước) được cấp một lần 20.000.000 đồng; tốt nghiệp loại giỏi, xuất sắc được cấp thêm 3.000.000 đồng.

- Nếu có bằng Chuyên khoa cấp II (không phân biệt hình thức đào tạo, kể cả trong và ngoài nước) được cấp một lần 27.000.000 đồng; tốt nghiệp loại giỏi, xuất sắc được cấp thêm 4.000.000 đồng.

- Nếu có bằng Thạc sĩ:

+ Tốt nghiệp các trường trong nước được cấp một lần 25.000.000 đồng; tốt nghiệp với số điểm đạt loại giỏi được cấp thêm 4.000.000 đồng.

+ Tốt nghiệp các trường ở nước ngoài (có thời gian học toàn bộ ở nước ngoài) được cấp một lần 35.000.000 đồng; tốt nghiệp với số điểm đạt loại giỏi được cấp thêm 6.000.000 đồng.

- Nếu có bằng Tiến sĩ:

+ Tốt nghiệp các trường trong nước được cấp một lần 30.000.000 đồng.

+ Tốt nghiệp các trường ở nước ngoài (có thời gian học toàn bộ ở nước ngoài) được cấp một lần 40.000.000 đồng.

c) Trường hợp người được hưởng chế độ thu hút không thực hiện đủ thời gian công tác đã cam kết thì phải hoàn trả số tiền đã nhận tương ứng với tỉ lệ thời gian cam kết phục vụ trừ đi thời gian đã công tác.

2. Đối với cán bộ, công chức, viên chức được tiếp nhận từ ngoài tỉnh

Cán bộ, công chức, viên chức có trình độ sau đại học không quá 45 tuổi (trường hợp là Tiến sĩ thì không quá 55 tuổi đối với nam, không quá 50 tuổi đối với nữ) ở ngoài tỉnh được tiếp nhận về Bình Dương công tác trong các cơ quan Đảng, Đoàn thể, hành chính, sự nghiệp (trừ sự nghiệp y tế và Trường Đại học Thủ Dầu Một) và có cam kết công tác tại tỉnh ít nhất 05 năm, được cấp 01 lần theo định mức:

a) Các ngành y tế, xây dựng, kiến trúc, công nghệ thông tin

- Tiến sĩ: 30.000.000 đồng.

- Thạc sĩ: 20.000.000 đồng.

- Chuyên khoa cấp II: 20.000.000 đồng.

- Chuyên khoa cấp I: 15.000.000 đồng.

b) Các ngành còn lại

- Tiến sĩ: 20.000.000 đồng.

- Thạc sĩ: 15.000.000 đồng.

c) Trường hợp người được hưởng chế độ thu hút không thực hiện đủ thời gian công tác đã cam kết thì phải hoàn trả số tiền đã nhận tương ứng với tỉ lệ thời gian cam kết phục vụ trừ đi thời gian đã công tác.

3. Người có học hàm, học vị làm việc trong một thời gian nhất định cho một công việc cụ thể

Người có học hàm, học vị, có năng lực chuyên môn (không kể trong hay ngoài tỉnh) làm việc trong một thời gian nhất định cho một công việc cụ thể theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh (không quá 06 tháng), được chi trả thù lao theo thỏa

thuận nhưng không vượt quá các mức qui định sau đây:

- Giáo sư: 25.000.000 đồng/tháng.
- Phó Giáo sư, Tiến sĩ: 20.000.000 đồng/tháng.
- Thạc sĩ: 10.000.000 đồng/tháng.
- Chuyên khoa cấp II: 10.000.000 đồng/tháng.
- Chuyên khoa cấp I: 6.000.000 đồng/tháng.

II. CHẾ ĐỘ THU HÚT NHÂN LỰC NGÀNH Y TẾ

1. Đối với người có trình độ chuyên môn y tế

a) Đối tượng và điều kiện hưởng

- Đối tượng: Những người tốt nghiệp cử nhân y; bác sĩ đa khoa, chuyên khoa; dược sĩ; bác sĩ, dược sĩ chuyên khoa cấp I; thạc sĩ y, dược; thạc sĩ điều dưỡng, thạc sĩ hộ sinh; bác sĩ, dược sĩ chuyên khoa cấp II; tiến sĩ y, dược được hợp đồng, tuyển dụng, tiếp nhận, hoặc điều động luân chuyển vào (về) các cơ sở y tế công lập và các cơ sở Bảo trợ xã hội thuộc ngành Lao động - Thương binh và Xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Về độ tuổi:

+ Tiến sĩ, chuyên khoa cấp II: không quá 55 tuổi đối với nam và 50 tuổi đối với nữ.

+ Thạc sĩ, chuyên khoa cấp I: không quá 50 tuổi.

+ Bác sĩ, dược sĩ, cử nhân y: không quá 45 tuổi.

- Các đối tượng nêu trên phải cam kết công tác ít nhất là 05 năm (áp dụng cho tất cả các trình độ) tại các cơ sở y tế công lập và các cơ sở Bảo trợ xã hội thuộc ngành Lao động - Thương binh và Xã hội trên địa bàn tỉnh. Các trường hợp đã hưởng chế độ đào tạo của tỉnh thì không được hưởng chính sách thu hút này.

b) Chế độ thu hút:

Các đối tượng qui định tại Điểm a, Khoản 1, Mục II, Phần II sau khi được tiếp nhận và phân công công tác được cấp 01 lần theo định mức như sau:

- Cử nhân y:

+ Công tác tại Bệnh viện Đa khoa huyện Dầu Tiếng, Phú Giáo, Tân Uyên, Bến Cát: 15.000.000 đồng.

+ Công tác tại các Trung tâm y tế tuyến tỉnh: 10.000.000 đồng.

+ Công tác tại Bệnh viện Đa khoa các thị xã Thuận An, Dĩ An, Phòng khám Đa khoa - Nhà Bảo sanh thị xã Thủ Dầu Một, Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Bệnh viện Điều dưỡng - Phục hồi chức năng, Bệnh viện Y học cổ truyền: 8.000.000 đồng.

- Bác sĩ (đa khoa, chuyên khoa), Dược sĩ:

+ Công tác tại Trạm Y tế thuộc các xã thuộc vùng khó khăn (kèm Phụ lục II về danh sách 29 xã khó khăn trên địa bàn tỉnh), kể cả Phòng khám Đa khoa khu vực và cơ sở bảo trợ xã hội thuộc ngành Lao động Thương binh và Xã hội đóng trên địa bàn các xã này: 35.000.000 đồng.

+ Công tác tại Trạm Y tế xã, thị trấn (kể cả Phòng khám đa khoa khu vực) thuộc các huyện Tân Uyên, Phú Giáo, Bến Cát, Dầu Tiếng: 25.000.000 đồng.

+ Công tác tại Trạm Y tế xã, phường, thị trấn (kể cả Phòng khám đa khoa khu vực) thuộc các thị xã Thuận An, Dĩ An, thị xã Thủ Dầu Một, các Trung tâm y tế huyện, thị xã và Bệnh viện Đa khoa các huyện Tân Uyên, Phú Giáo, Bến Cát, Dầu Tiếng: 15.000.000 đồng.

+ Công tác tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Bệnh viện Điều dưỡng - Phục hồi chức năng, Bệnh viện Y học cổ truyền: 10.000.000 đồng.

+ Công tác tại Bệnh viện Đa khoa các thị xã Thuận An, Dĩ An và Phòng khám Đa khoa - Nhà Bảo sanh Thị xã Thủ Dầu Một và các Trung tâm chuyên khoa tuyến tỉnh và các cơ sở bảo trợ xã hội thuộc ngành Lao động Thương binh và Xã hội: 8.000.000 đồng.

- Bác sĩ, Dược sĩ chuyên khoa cấp I:

+ Công tác tại các Trung tâm Y tế tuyến huyện, thị xã và Bệnh viện Đa khoa các huyện Tân Uyên, Phú Giáo, Bến Cát, Dầu Tiếng: 40.000.000 đồng.

+ Công tác tại Phòng khám Đa khoa - Nhà Bảo sanh thị xã Thủ Dầu Một và Bệnh viện Đa khoa các thị xã Thuận An, Dĩ An: 30.000.000 đồng;

+ Công tác tại Trung tâm chuyên khoa tuyến tỉnh, Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Bệnh viện Điều dưỡng - Phục hồi chức năng, Bệnh viện Y học cổ truyền: 15.000.000 đồng.

- Thạc sĩ điều dưỡng:

+ Công tác tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Bệnh viện Đa khoa các huyện, thị xã, Bệnh viện Điều dưỡng - Phục hồi chức năng, Bệnh viện Y học cổ truyền: 10.000.000 đồng.

- Thạc sĩ hộ sinh:

+ Công tác tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Bệnh viện Đa khoa các huyện, thị xã, Bệnh viện Điều dưỡng - Phục hồi chức năng, Bệnh viện Y học cổ truyền và Trung tâm Chăm sóc Sức khỏe Sinh sản: 10.000.000 đồng.

- Thạc sĩ Y, Dược; Bác sĩ, Dược sĩ chuyên khoa cấp II:

+ Công tác tại các Trung tâm Y tế tuyến huyện, thị xã Thủ Dầu Một và Bệnh viện Đa khoa các huyện Tân Uyên, Phú Giáo, Bến Cát, Dầu Tiếng: 50.000.000 đồng.

+ Công tác tại Phòng khám Đa khoa - Nhà Bảo sanh thị xã Thủ Dầu Một và

Bệnh viện Đa khoa các thị xã Thuận An, Dĩ An và các Trung tâm chuyên khoa tuyến tỉnh: 30.000.000 đồng.

+ Công tác tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Bệnh viện Điều dưỡng - Phục hồi chức năng, Bệnh viện Y học cổ truyền: 20.000.000 đồng.

- Tiến sĩ Y, Dược:

+ Tiến sĩ tốt nghiệp Y khoa nước ngoài đến nhận công tác tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh và Trường Cao đẳng Y tế: 70.000.000 đồng.

+ Tiến sĩ tốt nghiệp Y khoa trong nước đến nhận công tác tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh và Trường Cao đẳng Y tế: 50.000.000 đồng.

c) Các hỗ trợ khác:

- Được hỗ trợ tiền thuê nhà bằng 0,7 lần mức lương tối thiểu chung/người/tháng đối với người ngoài địa phương, có khoảng cách từ nhà đến nơi làm việc từ 20 km trở lên và có thuê nhà thực tế nơi được phân công, bố trí làm việc.

- Đối tượng là nữ được hỗ trợ thêm 0,7 lần mức lương tối thiểu chung/người/tháng.

- Hàng tháng được hưởng thêm chế độ hỗ trợ đối với cán bộ, viên chức chuyên môn y tế qui định tại Khoản 1, Mục II, Phần III.

d) Thời gian được hưởng chế độ hỗ trợ qui định tại Điểm c, Khoản 1, Mục II, Phần II là 05 năm kể từ ngày đến nhận công tác.

đ) Trường hợp người được hưởng chế độ thu hút không thực hiện đủ thời gian công tác đã cam kết thì phải hoàn trả số tiền đã nhận tương ứng với tỉ lệ thời gian cam kết phục vụ trừ đi thời gian đã công tác.

2. Chế độ thu hút đối với viên chức y tế về công tác ở các xã thuộc vùng khó khăn

a) Đối tượng: Cán bộ quản lý, viên chức chuyên môn y tế về công tác ở trạm y tế thuộc các xã vùng khó khăn, kể cả Phòng khám Đa khoa khu vực trên địa bàn các xã này.

b) Chế độ thu hút:

Được hỗ trợ hàng tháng bằng 70% mức lương theo ngạch bậc hiện hưởng, phụ cấp chức vụ và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) trong thời gian 05 năm kể từ ngày đến nhận công tác.

III. CHẾ ĐỘ THU HÚT NHÂN LỰC NGÀNH GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO

1. Đối tượng

Cán bộ quản lý giáo dục, nhà giáo về công tác ở các xã thuộc vùng khó khăn.

2. Chế độ thu hút

a) Được hỗ trợ hàng tháng bằng 70% mức lương theo ngạch bậc hiện hưởng, phụ cấp chức vụ và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) trong thời gian 05 năm kể từ ngày đến nhận công tác.

b) Được hưởng trợ cấp một lần là 3.000.000 đồng/người.

Phần III

CÁC CHẾ ĐỘ HỖ TRỢ KHÁC

I. HỖ TRỢ CHO CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC CÓ TRÌNH ĐỘ SAU ĐẠI HỌC *(trừ viên chức sự nghiệp giáo dục đào tạo, dạy nghề và y tế)*

Cán bộ, công chức, viên chức có trình độ sau đại học công tác tại các cơ quan Đảng, đoàn thể, hành chính, sự nghiệp văn hóa thông tin - thể dục thể thao, sự nghiệp khác; cán bộ chuyên trách, công chức, người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và người được thu hút về công tác ở các cơ quan nêu trên tại tỉnh Bình Dương được hỗ trợ hàng tháng theo các mức:

1. Tiến sĩ: 0,7 lần mức lương tối thiểu chung.
2. Thạc sĩ, chuyên khoa cấp II: 0,5 lần mức lương tối thiểu chung.
3. Chuyên khoa cấp I: 0,3 lần mức lương tối thiểu chung.

II. HỖ TRỢ CHO VIÊN CHỨC Y TẾ

1. Hỗ trợ hàng tháng cho cán bộ, viên chức chuyên môn y tế công tác tại các cơ sở y tế công lập

a) Công tác tại Trạm Y tế thuộc các xã vùng khó khăn, kể cả Phòng khám Đa khoa khu vực trên địa bàn các xã này:

- Trình độ sau đại học: 3,5 lần mức lương tối thiểu chung.
- Trình độ đại học: 3,0 lần mức lương tối thiểu chung.
- Trình độ cao đẳng, trung học và lương y: 1,0 lần mức lương tối thiểu chung.
- Trình độ sơ học: 0,5 lần mức lương tối thiểu chung.

b) Công tác tại Trạm Y tế xã, phường, thị trấn, kể cả Phòng khám Đa khoa khu vực thuộc các huyện Tân Uyên, Phú Giáo, Bến Cát, Dầu Tiếng (trừ các xã thuộc vùng khó khăn):

- Trình độ sau đại học: 2,5 lần mức lương tối thiểu chung.
- Trình độ đại học: 2,0 lần mức lương tối thiểu chung;
- Trình độ cao đẳng, trung học và lương y: 0,7 lần mức lương tối thiểu chung.
- Trình độ sơ học: 0,3 lần mức lương tối thiểu chung.

c) Công tác tại Trạm Y tế xã, phường, thị trấn, kể cả Phòng khám Đa khoa khu vực thuộc thị xã Thuận An, Dĩ An và Thủ Dầu Một:

- Trình độ sau đại học: 2,0 lần mức lương tối thiểu chung.
- Trình độ đại học: 1,5 lần mức lương tối thiểu chung;
- Trình độ cao đẳng, trung học và lương y: 0,5 lần mức lương tối thiểu chung.

d) Công tác tại các Trung tâm Y tế tuyến huyện, thị xã; Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình tuyến huyện, thị xã và Bệnh viện Đa khoa các huyện Tân Uyên, Phú Giáo, Bến Cát, Dầu Tiếng:

- Trình độ sau đại học: 2,0 lần mức lương tối thiểu chung.
- Trình độ đại học: 1,5 lần mức lương tối thiểu chung.
- Trình độ cao đẳng, trung học và lương y: 0,7 lần mức lương tối thiểu chung.

đ) Công tác tại Bệnh viện Đa khoa các thị xã Thuận An, Dĩ An, Phòng khám Đa khoa - Nhà Bảo sanh thị xã Thủ Dầu Một và các Trung tâm chuyên khoa tuyến tỉnh:

- Trình độ sau đại học: 1,5 lần mức lương tối thiểu chung.
- Trình độ đại học: 1,0 lần mức lương tối thiểu chung.
- Trình độ cao đẳng, trung học và lương y: 0,3 lần mức lương tối thiểu chung.

e) Công tác tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Bệnh viện Y học cổ truyền, Bệnh viện Điều dưỡng - Phục hồi chức năng:

- Trình độ sau đại học: 1,0 lần mức lương tối thiểu chung.
- Trình độ đại học: 0,5 lần mức lương tối thiểu chung.
- Trình độ cao đẳng, trung học và lương y: 0,2 lần mức lương tối thiểu chung.

g) Tiên sĩ y, được công tác tại Bệnh viện đa khoa tỉnh: 3,0 lần mức lương tối thiểu chung.

2. Hỗ trợ cho viên chức y tế học đường

a) Viên chức y tế có trình độ bác sĩ hoặc tương đương công tác ở các cơ sở giáo dục công lập, các trường dạy nghề và các trung tâm dạy nghề công lập trên địa bàn tỉnh được hỗ trợ 0,7 lần mức lương tối thiểu chung/người/tháng.

b) Viên chức y tế có trình độ trung cấp, y sĩ hoặc tương đương công tác ở các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn các xã thuộc vùng khó khăn được hỗ trợ 0,5 lần mức lương tối thiểu chung/người/tháng.

c) Viên chức y tế có trình độ trung cấp, y sĩ hoặc tương đương công tác ở các cơ sở giáo dục công lập tại các xã, phường, thị trấn còn lại, các trường dạy nghề và các trung tâm dạy nghề công lập trên địa bàn tỉnh được hỗ trợ 0,3 lần mức lương tối

thiếu chung/người/tháng.

3. Thời gian áp dụng

Thời gian được hưởng chế độ hỗ trợ theo qui định tại Khoản 1 và Khoản 2, Mục II, Phần III là 05 năm.

III. HỖ TRỢ CHO VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ CÓ TRÌNH ĐỘ SAU ĐẠI HỌC

1. Đối tượng

Cán bộ quản lý, nhà giáo có trình độ sau đại học công tác tại các cơ sở giáo dục công lập, các trường dạy nghề, trung tâm dạy nghề công lập trên địa bàn tỉnh.

2. Mức hỗ trợ

a) Tiến sĩ: 2,5 lần mức lương tối thiểu chung/người/tháng.

b) Thạc sĩ, Chuyên khoa cấp II: 1,5 lần mức lương tối thiểu chung/người/tháng.

c) Chuyên khoa cấp I: 1,0 lần mức lương tối thiểu chung/người/tháng.

Thời gian được hưởng mức hỗ trợ nêu trên là 05 năm.

IV. HỖ TRỢ CHO CÁN BỘ QUẢN LÝ, VIÊN CHỨC ĐƯỢC ĐIỀU ĐỘNG VỀ CÔNG TÁC TẠI CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ Y TẾ, GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO, LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH & XÃ HỘI

1. Cán bộ quản lý, viên chức các đơn vị sự nghiệp y tế công lập trên địa bàn tỉnh nếu được điều động về công tác tại các cơ quan quản lý nhà nước thuộc ngành y tế gồm: Sở Y tế, Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm và Phòng Y tế các huyện, thị xã được hỗ trợ hàng tháng bằng mức phụ cấp ưu đãi theo nghề đang hưởng tại thời điểm điều động.

2. Cán bộ quản lý, nhà giáo thuộc các đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo, các trường dạy nghề và trung tâm dạy nghề công lập trên địa bàn tỉnh nếu được điều động về công tác tại các cơ quan quản lý nhà nước thuộc ngành giáo dục - đào tạo gồm: Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo; điều động về phụ trách công tác dạy nghề tại Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội được hỗ trợ hàng tháng bằng mức phụ cấp ưu đãi đang hưởng đối với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy tại thời điểm điều động.

3. Thời gian hưởng chế độ hỗ trợ qui định tại Khoản 1 và Khoản 2, Mục IV, Phần III của Phụ lục này là 03 năm kể từ ngày có quyết định điều động.

V. HỖ TRỢ CHO CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CÔNG TÁC TẠI XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

1. Đối tượng áp dụng

a) Cán bộ, công chức có trình độ đại học về công tác tại các xã, phường, thị

trấn (dưới đây gọi chung là cấp xã).

b) Cán bộ, công chức cấp xã, những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, kể cả đối tượng tạo nguồn của tỉnh hiện đang công tác tại cấp xã có trình độ đại học.

2. Các mức hỗ trợ

a) Cán bộ, công chức có trình độ đại học về công tác tại các xã, phường, thị trấn

- Công tác tại các xã thuộc vùng khó khăn: 1,2 lần mức lương tối thiểu chung/người/tháng.

- Các xã thuộc huyện Bến Cát, Phú Giáo, Tân Uyên, Dầu Tiếng (trừ các xã thuộc vùng khó khăn): 1,0 lần mức lương tối thiểu chung/người/tháng.

- Các xã, phường, thị trấn còn lại: 0,8 lần mức lương tối thiểu chung/người/tháng.

b) Đối với cán bộ, công chức cấp xã và những người hoạt động không chuyên trách cấp xã tại chỗ có trình độ đại học trong trường hợp không hưởng chế độ đào tạo theo qui định của Ủy ban nhân dân tỉnh

- Công tác tại các xã thuộc vùng khó khăn: 1,0 lần mức lương tối thiểu chung/người/tháng.

- Các xã thuộc huyện Bến Cát, Phú Giáo, Tân Uyên, Dầu Tiếng (trừ các xã thuộc vùng khó khăn): 0,8 lần mức lương tối thiểu chung/người/tháng.

- Các xã, phường, thị trấn còn lại: 0,6 lần mức lương tối thiểu chung/người/tháng.

c) Đối với cán bộ, công chức cấp xã và những người hoạt động không chuyên trách cấp xã tại chỗ có trình độ đại học trong trường hợp hưởng chế độ đào tạo theo qui định của Ủy ban nhân dân tỉnh

- Công tác tại các xã thuộc vùng khó khăn: 0,8 lần mức lương tối thiểu chung/người/tháng.

- Các xã thuộc huyện Bến Cát, Phú Giáo, Tân Uyên, Dầu Tiếng (trừ các xã thuộc vùng khó khăn): 0,6 lần mức lương tối thiểu chung/người/tháng.

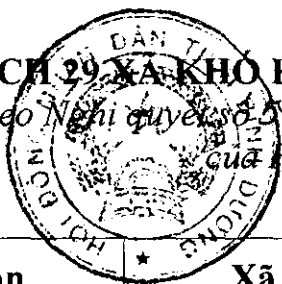
- Các xã, phường, thị trấn còn lại: 0,4 lần mức lương tối thiểu chung/người/tháng.

d) Ngoài các mức nêu tại Điểm a, b, c, Khoản 2, Mục V, Phần III cán bộ, công chức tăng cường, cán bộ, công chức cấp xã và những người hoạt động không chuyên trách cấp xã công tác tại các xã, phường, thị trấn trong tỉnh nếu tốt nghiệp đại học hệ chính qui được hưởng thêm 0,2 lần mức lương tối thiểu chung/người/tháng.

Phụ lục II

DANH SÁCH 29 XÃ KHÓ KHĂN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH DƯƠNG

(Kèm theo Nghị quyết số 53/2011/NQ-HĐND8 ngày 09 tháng 12 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh)



Địa bàn	Xã khó khăn		Ghi chú
Huyện Tân Uyên (có 09 xã)	01	Tân Định	Quy định của Trung ương
	02	Tân Thành	
	03	Lạc An	
	04	Hiếu Liêm	
	05	Đất Cuốc	
	06	Thường Tân	Quy định của Tỉnh
	07	Tân Lập	
	08	Tân Mỹ	
	09	Thanh Hội	
Huyện Phú Giáo (có 09 xã)	10	Tân Long	Quy định của Trung ương
	11	An Linh	
	12	An Long	
	13	Phước Sang	
	14	An Thái	
	15	Vĩnh Hoà	
	16	An Bình	
	17	Tân Hiệp	
	18	Tam Lập	
Huyện Dầu Tiếng (có 08 xã)	19	Minh Tân	Quy định của Tỉnh
	20	Minh Thạnh	
	21	Minh Hoà	
	22	Định An	
	23	An Lập	
	24	Long Hoà	
	25	Long Tân	
	26	Định Thành	
Huyện Bến Cát (có 03 xã)	27	Tân Hưng	Quy định của Tỉnh
	28	Hưng Hoà	
	29	Cây Trường 2	